

1

+ Bà Võ Thị C, sinh năm 1950. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1993.

Đồng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: huyện T, Bình Định. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tỉnh Bình Định. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S, trình bày:

Cha mẹ Bà là cụ Nguyễn H và cụ Võ Thị Xuân M (chết năm 2016) có ba người con chung là: Ông Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Thu S. Cụ Nguyễn H hy sinh năm 1965, ông Nguyễn Đình P hy sinh năm 1973 (ông P không có vợ con). Tài sản của cha mẹ bà S tạo lập trước năm 1975 gồm có: Một ngôi nhà và một thửa đất (gồm có đất ở và đất vườn) tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; 4,5 sào ruộng nước. Bà S theo chồng về Q sinh sống còn cụ M ở cùng ông T tại huyện T. Cụ M đứng tên chủ hộ, đồng thời đứng tên trong sổ bộ địa chính toàn bộ đất ở, đất vườn, nhà và 4,5 sào ruộng nước. Tháng 10 năm 2010, ông T tự viết tay "Giấy cho nhà" có nội dung là cụ M cho ngôi nhà và mảnh vườn cho ông Nguyễn Hồng T, ông T tự ký chữ M vào giấy cho nhà rồi đem lên xã P ký và đóng dấu vào ngày 28/10/2010. Đến tháng 2 năm 2013, ông T đưa mẹ bà S ký vào một bản di chúc đánh máy sẵn, có nội dung như sau: Khi nào mẹ bà S mất thì sẽ để lại toàn bộ nhà cửa đất đai cho ông T và con trai ông T là Nguyễn Trung T. Sau đó, ông T tự động làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất của cụ M cho ông T bà C tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 294474, ngày 16/01/2012, tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55, diện tích 661,3m². Cuối năm 2013, ông T hắt hủi không nuôi dưỡng cụ M, nên bà S đưa cụ M về ở với vợ chồng bà S tại số nhà 77 đường P, thành phố Q. Thời gian cụ M ở với bà S, vợ chồng ông T và các con ông T không có trách nhiệm với cụ M. Khi cụ M mất ông T không tới chịu tang. Sau khi cụ M qua đời bà S tìm thấy một lá đơn của cụ M viết ghi ngày 02/11/2014, gửi Ủy ban xã P, huyện T, có nội dung là yêu cầu chính quyền hủy bỏ di chúc trước đây và xem xét việc ông T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái qui định của pháp luật, vì không đúng ý chí nguyện vọng của cụ. Bà S tìm hiểu thì được biết cơ sở pháp lý để UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là căn cứ vào "Giấy cho nhà" của cụ M viết cho ông T vào ngày 27/10/2010, được ông Võ Ngọc Sơn, Phó chủ tịch UBND xã P ký chứng thực vào ngày 28/10/2010. Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào năm 2012 nhưng mãi đến ngày 14/03/2016 sau khi mẹ bà S mất 02 tháng, ông T mới viết giấy ủy quyền cho con trai là Nguyễn Trung T đến Văn phòng Đăng ký quyền sử

dụng đất huyện T để nhận Giấy.

Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất vườn và ngôi nhà là tài sản của cha mẹ bà S cho ông Nguyễn Hồng T là không đúng, gây thiệt hại cho bà S về quyền hưởng tài sản chung của cha bà S và thừa kế theo pháp luật của mẹ chết để lại cho các con.

Nay bà S yêu cầu:

- Yêu cầu chia thừa kế di sản là tài sản chung về phần nhà và đất của cha bà là cụ Nguyễn H chết để lại chưa chia và chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Võ Thị Xuân M gồm các tài sản là thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55, diện tích 661,3m² tọa lạc tại Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, cùng ngôi nhà trên thửa đất có diện tích khoảng 90m² nhưng đã bị ông T tháo dỡ toàn bộ vào năm 2009 để xây dựng nhà mới như hiện nay. Bà không yêu cầu chia 4,5 sào ruộng nước.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 294474, ngày 16/01/2012 đã được UBND huyện T cấp ngày 16/1/2012 cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng T, trình bày:

Về quan hệ gia đình ông thống nhất như bà S trình bày. Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55, diện tích 661,3m² tọa lạc tại Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 294474, ngày 16/01/2012. Thửa đất này có nguồn là của cha mẹ ông là cụ Nguyễn H và cụ Võ Thị Xuân M, diện tích đất ban đầu là 150m², đến năm 1977 (sau khi ông lấy vợ) vợ chồng ông mua thêm một mảnh vườn phía sau nên diện tích đất lên đến 661,3m². Trên đất có ngôi nhà cấp 4 của cha mẹ ông xây dựng từ năm 1962 để gia đình ông ở đã xuống cấp nên năm 2009 được sự đồng ý của cụ M vợ chồng ông đã tháo dỡ ngôi nhà cũ để xây dựng lại ngôi nhà mới hiện nay, trước là có chỗ để thờ cúng ông, bà nội, cha và em; sau là cũng có chỗ ở cho đàn ông khi cụ M tuổi già. Tiền xây nhà là của vợ chồng ông. Năm 2010, cụ M viết giấy cho nhà cho hai vợ chồng ông để vợ chồng ông làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất như đã nói trên. Đến tháng 02/2013 cụ M tiếp tục làm bản di chúc cho lại ngôi nhà với diện tích 150m² cộng cả mảnh vườn mà hai vợ chồng ông tạo lập nên vợ chồng Ông được toàn quyền sử dụng. Cuộc sống giữa cụ M với vợ chồng ông đang êm đẹp, hạnh phúc, giữa vợ chồng ông và cụ M không có xảy ra mâu thuẫn gì; vợ chồng ông và các con ông luôn hiếu thuận với cụ M. Đến giữa năm 2013 ông làm thủ tục đề nghị Nhà nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho cụ M thì bà S về gây chuyện với ông và dẫn cụ M về nhà bà S ở Q ở đồng thời cắt khẩu của cụ M nhập vào hộ khẩu của bà S để hàng tháng bà S lấy khoản tiền Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các khoản tiền lương hàng tháng khác của cụ M.

Nay ông T không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S, với những lý do sau đây:

- Cụ Nguyễn H, chết 1965, không để lại di chúc, Cụ chết nay đã trên 40 năm

nên đã hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế. Do đó, ông T được quyền hưởng 75m² đất trên tổng 150m² đất để ông có chỗ để thờ cúng ông, bà nội, cha và em trai ông, vì ông là con trai trưởng và là cháu đích tôn nên đó là trách nhiệm của ông.

- Còn 75m² đất còn lại là của mẹ ông, mẹ ông đã viết giấy cho nhà, đất và viết di chúc để lại cho ông và hiện nay đã được Nhà nước cấp quyền sở hữu và sử dụng cho vợ chồng ông.

- Diện tích đất còn lại là tài sản của vợ chồng ông mua.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T trình bày:

Hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C thường trú thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định gồm có:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/11/2010.

- Bản kê khai đăng ký cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/11/2010;

- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất;

- Thông báo danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/12/2010 của UBND xã P.

- Giấy cho nhà ngày 27/10/2010 của bà Võ Thị Xuân M cho con Nguyễn Hồng T có xác nhận của Ban nhân dân thôn T và UBND xã P.

- Đơn xin xác nhận mối quan hệ trong gia đình ngày 29/9/2014;

- Thông báo số 344/TB-CCT ngày 17/03/2016 nộp lệ phí trước bạ nhà đất, chuyển nhượng bất động sản và chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính ngày 17/03/2016.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294474 ngày 16/01/2012, tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55, diện tích 661,3m² được cấp cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C.

Như vậy, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C, trình bày:

Bà là vợ ông T, Bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung T, trình bày:

Anh là con ruột ông T, anh thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Xuân L, chị Nguyễn Thị Mỹ L và chị Nguyễn Thị Khánh V, đồng trình bày:

Các chị là con ruột của ông T bà C, các chị thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 20-5-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ các Điều 610, 612, 623, 649, 650 điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 98, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 14, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 294474, ngày 16/01/2012 đã được UBND huyện T cấp ngày 16/1/2012 cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C.

Không chấp nhận phần yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu S đối với phần di sản của cụ Võ Thị Xuân M.

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu S đối với di sản của ông Nguyễn H.

Xác định $\frac{1}{2}$ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55, diện tích theo đo đạc thực tế 572,4m² tại thôn Tùng Giản, xã P, huyện T là di sản chưa chia của cụ Nguyễn H có tổng giá trị là 368.100.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Những người được hưởng di sản của cụ H gồm có: Ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị Thu S.

Ông Nguyễn Hồng T được quyền sử dụng thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55, diện tích theo đo đạc thực tế 572,4m² tại thôn Tùng Giản, xã P, huyện T đã được UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294474, ngày 16/01/2012. Buộc ông Nguyễn Hồng T phải thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu S được hưởng trị giá là 184.050.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu không trăm năm chục nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20/5/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, hủy GCNQSDĐ số BI 294474, ngày 16/01/2012 của UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C và phân chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà.

- Ngày 31/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 343A/QĐKNPT-VKS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng:

+ Xác định di sản của cụ Nguyễn H và cụ Võ Thị Xuân M để lại 200m² đất ở (mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản là 100m²). Đối với diện tích đất vườn 482m² (đo đạc thực tế 372,4m², trong đó có 100m² đã chuyển sang đất ở) cân đối cho 06 nhân khẩu (theo Nghị định 64/CP) gồm cụ M, ông T, bà C, Chị L, chị L, chị V. Như vậy di sản của cụ M là 116,67m² đất ở và 45,4m² đất vườn.

+ Tuyên bố “Giấy cho nhà” ghi ngày 27/10/2010 là vô hiệu để chia thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 343A/QĐKNPT-VKS ngày 31/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định; Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 343A/QĐKNPT-VKS ngày 31/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S, nhận thấy:

[2.1] Về di sản thừa kế: Nguồn gốc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55 tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C theo GCNQSDĐ số BI 294474, ngày 16/01/2012; bà Nguyễn Thị Thu S xác nhận là do cụ H và cụ M tạo lập trước năm 1975; ông Nguyễn Hồng T khai thừa đất cha mẹ tạo lập chỉ 150m², diện tích còn lại là do ông mua, nhưng ông T không cung cấp được tài liệu chứng minh lời khai của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất nêu trên là di sản của cụ H và cụ M để lại là có căn cứ.

[2.2] Về giá trị pháp lý “Giấy cho nhà” ghi ngày 27/10/2010 và “Bản di chúc” lập ngày 25/02/2013:

- Tại Kết luận giám định số 232/PC09 ngày 16/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định (do bà Nguyễn Thị Thu S yêu cầu) đã kết luận: Chữ ký “M” dưới mục “người làm giấy cho nhà” tại “Giấy cho nhà” ghi ngày 27/10/2010 với tài liệu so sánh các chữ ký “M” ở mục người nhận trong các Bảng danh sách chi trả trợ cấp hàng tháng của Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện T cung cấp là không phải do cùng một người ký ra.

- Tại kết luận Giám định số 604/C09C(Đ2) ngày 23/6/2020 của Phan Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng (do ông Nguyễn Hồng T yêu cầu) đã kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Võ Thị Xuân M dưới các mục : “Người lập di chúc” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2; “Người làm giấy cho nhà” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký đứng tên bà Võ Thị

Xuân M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là có phải do cùng một người ký (viết) ra hay không.

Xét thấy, 02 Kết luận giám định trên là do nguyên đơn và bị đơn yêu cầu độc lập và tài liệu mẫu để so sánh do các bên yêu cầu tự cung cấp và không đồng nhất nhau, nên không có cơ sở vững chắc xác định chữ ký trên tài liệu mẫu là của cụ Võ Thị Xuân M; do đó không thể xem kết quả giám định này là chứng cứ quan trọng và duy nhất để xem xét đánh giá nội dung vụ án.

[3.3] Tuy nhiên, nhận thấy:

- Tại biên bản xác minh ngày 02/4/2019, ông Phan Văn C (lúc đó là Phó thôn T) xác nhận: *Vào ngày 28/10/2010, ông Nguyễn Hồng T là con bà Võ Thị Xuân M có mời tôi xuống nhà ông T để ký xác nhận vào giấy cho nhà. Tôi xuống nhà thì ông T có đưa tôi xem giấy cho nhà ngày 27/10/2010. Khi tôi xem xong thì bà M mẹ ông T có ký vào giấy cho nhà này trước mặt tôi, lúc ký bà M còn minh mẫn.*

Vào ngày 25/2/2013, ông T có mời tôi và ông Nguyễn Thanh T (Trưởng thôn), ông Nguyễn Thái H (Tổ an ninh nhân dân) xuống nhà ông để ký làm chứng vào tờ di chúc lập ngày 25/2/2013, ông T đọc bản di chúc có bà M cùng nghe và bà M ký vào bản di chúc trước mặt chúng tôi, bà M ký xong, tôi, ông T, ông H có ký vào phần người làm chứng.

- Tại Biên bản xác minh ngày 08/4/2019 và ngày 29/3/2019 các ông Nguyễn Thanh T (Trưởng thôn), ông Nguyễn Thái H (Tổ an ninh nhân dân thôn) đều xác nhận: *Vào ngày 25/2/2013, ông T có mời ông Nguyễn Thanh T (Trưởng thôn), ông Nguyễn Thái H (Tổ an ninh nhân dân), ông Phan Văn C (Phó thôn) xuống nhà ông để ký làm chứng vào tờ di chúc lập ngày 25/2/2013, ông T đọc bản di chúc có bà M cùng nghe và bà M ký vào bản di chúc trước mặt chúng tôi, bà M ký xong, ông T, ông H, ông C có ký vào phần người làm chứng. Chữ ký bà M trong tờ di chúc có trong hồ sơ Tòa án đưa xem chính là chữ ký bà M.*

- Mặt khác, tại “Đơn yêu cầu” v/v Hủy bỏ di chúc và xem xét việc chỉnh lý GCNQSDĐ trái quy định pháp luật ghi ngày 02/11/2014 có chữ ký của bà Võ Thị Xuân M. Tài liệu này do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S cung cấp và xác định là chữ ký của bà M (đơn yêu cầu này bà M không gửi đến cơ quan có thẩm quyền để hủy bỏ bản di chúc do bà ký ngày 25/2/2013); trong đơn này bà M xác định bà có ký vào bản di chúc ngày 25/02/2013. Như vậy việc bà M lập Bản di chúc ngày 25/02/2013 là có căn cứ.

Đồng thời, đối chiếu với Bản di chúc ngày 25/02/2013, có nội dung: *“Trước đây tôi cũng đã ủy quyền cho vợ chồng con trai tôi được ủy quyền thừa kế đứng tên làm sổ giao quyền đất ở, nay một lần nữa tôi tiếp tục lập bản di chúc này để lại cho vợ chồng con trai và cháu nội của tôi có tên trên để làm bằng chứng”*. Như vậy có cơ sở để xác định lời trình bày của nhân chứng ông Phan Văn Cương về việc bà M có ký xác nhận vào giấy cho nhà ngày 27/10/2010 là có căn cứ.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận giấy cho nhà lập ngày 25/10/2010 là hợp pháp và xác định $\frac{1}{2}$ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55 tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là di sản của cụ M đã tặng cho ông T nên không chia thừa

kể cho bà S là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu S thuộc đối tượng người già nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 610, 612, 623, 649, 650 điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 98, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 14, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 294474, ngày 16/01/2012 đã được UBND huyện T cấp ngày 16/1/2012 cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C.

- Không chấp nhận phần yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu S đối với phần di sản của cụ Võ Thị Xuân M.

- Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu S đối với di sản của ông Nguyễn H.

- + Xác định $\frac{1}{2}$ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55, diện tích theo đo đạc thực tế 572,4m² tại thôn Tùng Giản, xã P, huyện T là di sản chưa chia của cụ Nguyễn H có tổng giá trị là 368.100.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

- + Những người được hưởng di sản của cụ H gồm có: Ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị Thu S.

- + Ông Nguyễn Hồng T được quyền sử dụng thửa đất số 30, tờ bản đồ số 55, diện tích theo đo đạc thực tế 572,4m² tại xã P, huyện T đã được UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Hồng T và bà Võ Thị C tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294474, ngày 16/01/2012. Buộc ông Nguyễn Hồng T phải thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn H cho bà Nguyễn Thị Thu S được hưởng trị giá là 184.050.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu không trăm năm chục nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào